

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 318/2021/HSST

Ngày 29/9/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT- TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bạ;

- Ông Đinh Tuấn Anh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban- Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 286/2021/HSST, ngày 17 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2021/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC H**; Sinh ngày 06 tháng 12 năm 2001, tại thành phố Hà Nội; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm A, thôn K, xã A, huyện M, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn Ngọc Đậu (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Thi; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hà (Chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con, sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/4/2021 đến ngày 20/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, có mặt tại phiên tòa;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

01. Bà Đỗ Thị Thanh M, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

02. Ông Lê Văn L- sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

03. Bà Nguyễn Thị T- sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

04. Bà Lê Thị Ngọc H - sinh năm 1971 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
05. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1975 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
06. Bà Trần Thị Ngọc D- sinh năm 1972 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
07. Bà H'O - sinh năm 1995 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
08. Ông Nguyễn Văn D- sinh năm 1984 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk);
09. Ông Phan Quốc T- sinh năm 1982 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
10. Ông Trần Văn T- sinh năm 1994 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn B, xã B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;
11. Bà Trần Thị B - sinh năm 1980 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
12. Bà Đinh Thị C - sinh năm 1963 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
13. Bà Lương Thị T- sinh năm 1973 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
14. Bà Lê Thị L -sinh năm 1970 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
15. Bà Đoàn Thị T- sinh năm 1957 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
16. Bà Phạm Thị Mỹ D - sinh năm 1978 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
17. Bà Trần Thị Thanh V - sinh năm 1982 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
18. Bà Nguyễn Thị Thanh T - sinh năm 1989 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
19. Bà Nguyễn Thị V - sinh năm 1985 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
20. Bà Phạm Thị H- sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
21. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1972 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
22. Bà Nguyễn Thị Hải N - sinh năm 1972 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
23. Bà Lê Thị L - sinh năm 1972 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
24. Bà Nguyễn Thị H- sinh năm 1989 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
25. Bà Nguyễn Thị Thu T- sinh năm 1973 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
26. Bà Đinh Thị Linh K- sinh năm 1981 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường L, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
27. Bà Trần Thị Ng- sinh năm 1977 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Hẻm Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
28. Bà Nguyễn Thị V- sinh năm 1970 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
29. Bà Trần Thị Thuỳ D - sinh năm 1983 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
30. Bà Trần Thị T, sinh năm 1968 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
31. Chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1980 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
32. Ông Phan Thanh M, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
33. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1980 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 09/2020, Nguyễn Ngọc H đến thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thuê nhà tại địa chỉ đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do chị Đỗ Thị H làm chủ sở hữu để làm thuê cho đối tượng Ngô Đức T (Chưa rõ nhân thân, lai lịch) hoạt động cho vay lãi nặng. Nhiệm vụ của H đi phát tờ rơi quảng cáo trên

các tuyến đường tại địa bàn thành phố B và huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người có nhu cầu vay vốn liên hệ vay tiền để thu lợi bất chính và đi thu tiền đóng hàng ngày của người vay tiền. Nếu người dân có nhu cầu vay tiền thì gọi điện thoại cho H vào số điện thoại ABC được gắn trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia hoặc đối tượng T qua số điện thoại BCD. Sau đó, H và đối tượng T trao đổi thống nhất với nhau về việc cho người dân vay tiền và đối tượng T đi đến nhà H rồi cả hai cùng nhau đi giao dịch với người vay tiền. Nếu đối tượng T không đi cùng được, sẽ đến đưa tiền cho H hoặc H trực tiếp dùng tiền đã thu lợi trước đó đưa cho người vay. Tiền ăn uống, đi lại, thuê nhà 5.000.000đồng/tháng do đối tượng T đưa cho H chi trả, mỗi tháng đối tượng T trả tiền công cho H 3.000.000 đồng.

Sau khi người dân có nhu cầu vay tiền thì H và đối tượng T cùng đến hoặc nếu đối tượng T không đi cùng, H một mình đến tìm hiểu hoàn cảnh, gia đình, công việc làm của người vay, kiểm tra thông tin và thẩm định đủ khả năng hoàn trả tiền vay thì viết giấy vay mượn tiền ban đầu và giữ các loại giấy tờ tùy thân như: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu... bản photo hoặc bản gốc của người vay rồi đưa lại cho đối tượng T giữ, sau đó về tập hợp vào sổ cá nhân để quản lý hoạt động cho vay. Hằng ngày, H điều khiển xe Mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số XXX lưu thông trên các tuyến đường gặp người vay thu tiền rồi cuối ngày đánh dấu đã thu vào sổ và gọi điện thoại báo cho đối tượng T biết. Đến cuối tháng, đối tượng T đến lấy tiền và trả tiền công cho H.

Hình thức vay: Người vay phải trả phí tiền vay là tiền xăng xe, điện thoại liên lạc, trừ số tiền gốc lãi của 02 ngày, người vay phải trả trong một thời gian ấn định. Khi chưa hết thời gian trả nợ mà người vay có nhu cầu vay thêm (Đáo hạn) thì tiếp tục tính chi phí như đã nêu trên và trừ số tiền còn nợ của lần vay trước đó. Đối với một số người dân đã vay tiền nhiều lần, tùy mức độ thân thiết của từng người, H sẽ không thu tiền phí một số lần vay sau.

Ví dụ: Người vay vay số tiền 5.000.000 đồng, phải trả trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng, tiền phí dịch vụ phải đóng 200.000 đồng, tiền gốc trừ 2 ngày đầu 400.000 đồng. Người vay thực nhận còn 4.400.000 đồng. Như vậy, thời hạn vay là 30 ngày, người vay phải trả là $200.000\text{đồng}/1\text{ngày} \times 30\text{ ngày} = 6.000.000\text{ đồng}$, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc, 1.000.000 đồng tiền lãi.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật dân sự thì Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

$$\text{Lãi suất năm} = \frac{(\text{số tiền lãi} : \text{số tiền gốc}) \times 100\%}{\text{Số ngày vay}}$$

$$\text{Lãi suất vượt quá} = \frac{\text{Lãi suất năm}}{20\%}$$

Ví dụ: Anh Lê Văn L vay của H số tiền là 5.000.000 đồng, thời gian vay là 30 ngày, tiền phí là 200.000 đồng, mỗi ngày đóng 200.000 đồng.

Số tiền phải đóng sau 30 ngày là: $30\text{ngày} \times 200.000\text{đ} = 6.000.000\text{đồng}$.

Số tiền lãi nhận được là: $6.000.000\text{đ} - 5.000.000\text{đ} = 1.000.000\text{ đồng}$.

Lãi suất năm là: $\frac{(1.000.000\text{đ} : 5.000.000\text{đ}) \times 365\text{ngày} \times 100\%}{30\text{ ngày}} = 243,33\%$.

Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17\text{ lần}$.

Với thủ đoạn trên, từ tháng 9/2020 đến ngày 08/4/2021, Nguyễn Ngọc H cùng đồng phạm T đã cho 32 cá nhân tại các xã, phường trên địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và huyện C, tỉnh Đắk Lắk vay tiền. Cụ thể những người vay như sau:

1. Bà Đỗ Thị Thanh M vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền phí là 200.000 đồng, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 02 lần, lần 01 trả hết, lần 02 không thu phí đóng 12 ngày nợ 18 ngày.

Số tiền thu lợi bất chính tính như sau:

- Đối với 01 lần đóng đủ:

Sau 30 ngày số tiền thu được là: $200.000\text{đ} \times 30 = 6.000.000\text{ đồng}$.

Số tiền lãi nhận được (chưa tính phí) là: $6.000.000\text{đ} - 5.000.000\text{đ} = 1.000.000\text{ đồng}$.

Lãi suất tối đa cho phép trong vòng 01 năm là: 20%.

Lãi suất cho phép trong vòng 30 ngày là: $20\%/365 \times 30\text{ ngày}$.

Số tiền lãi tối đa cho phép trong vòng 30 ngày = $20\%/365 \times 30 \times 5.000.000\text{đ} = 82.192\text{ đồng}$.

Số tiền lãi thu lợi bất chính (chưa tính phí) = $1.000.000\text{đ} - 82.192\text{đ} = 917.808\text{ đồng}$.

Số tiền lãi thu lợi bất chính: $917.808\text{đ} + 200.000\text{đ} = 1.117.808\text{ đồng}$.

- Đối với 01 lần mới đóng được 12 ngày:

Sau 12 ngày số tiền nhận được là: $12 \times 200.000\text{đ} = 2.400.000\text{ đồng}$.

Số tiền thực tế được đóng trong 12 ngày là: $5.000.000\text{đ}/30 \times 12 = 2.000.000\text{đ}$.

Số tiền lãi nhận được (chưa tính phí) là: $2.400.000\text{đ} - 2.000.000\text{đ} = 400.000\text{đ}$.

Lãi suất tối đa cho phép trong vòng 01 năm là: 20%.

Lãi suất nhà nước cho phép trong vòng 12 ngày là: $20\%/365 \times 12\text{ ngày}$.

Số tiền lãi nhà nước cho phép trong vòng 12 ngày là: $5.000.000đ * 20\%/365*12 = 32.878$ đồng.

Số tiền thu lợi bất chính (chưa tính phí) là: $400.00đ - 32.878đ = 367.122$ đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính đối với gói vay 5.000.000 đồng là: $1.117.808đ + 367.122đ = 1.484.930$ đồng.

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

2. Ông Lê Văn L vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền phí là 200.000 đồng, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần, đã đóng 12 ngày nợ 18 ngày. Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 567.122 đồng.

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

3. Bà Nguyễn Thị T vay gói vay:

- Gói vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 400.000 đồng, vay 04 lần; lần 1 và đáo hạn 3 lần thu phí mỗi lần 400.000 đồng đã trả hết 4 lần. Số tiền thu lợi bất chính là: 8.942.466 đồng.

Lãi suất:

Số tiền phải đóng sau 30 ngày là: $30\text{ngày} \times 400.000đ = 12.000.000$ đồng.

Số tiền lãi nhận được là: $12.000.000đ - 10.000.000đ = 2.000.000$ đồng

* Lãi suất năm là: $\frac{(2.000.000đ : 10.000.000đ) \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{30 \text{ ngày}} = 243,33\%$.

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

- Gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 02 lần, lần 01 thu phí 200.000 đồng, đáo hạn 1 lần không thu phí, đã đóng được số tiền của 16 ngày nợ 14 ngày. Số tiền thu lợi bất chính là: 1.607.306 đồng

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: $8.942.466đ + 1.607.306đ = 10.549.772$ đồng.

4. Bà Lê Thị Ngọc H vay gói vay 3.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền phí là 150.000 đồng, tiền đóng mỗi ngày là 150.000 đồng, vay 01 lần, đã đóng 14 ngày nợ 11 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 546.986 đồng.*

Lãi suất:

Số tiền phải đóng sau 25 ngày là: $25\text{ngày} \times 150.000\text{đ} = 3.750.000\text{đồng}$.

Số tiền lãi nhận được là: $3.750.000\text{đ} - 3.000.000\text{đ} = 750.000\text{ đồng}$

* Lãi suất năm là: $\frac{(750.000\text{đ} : 3.000.000\text{đ}) \times 365\text{ngày} \times 100\%}{25\text{ ngày}} = 365\%.$

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25\text{ lần}$.

5. Bà Nguyễn Thị L vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền phí là 200.000 đồng, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần, đã đóng 29 ngày nợ 1 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.087.215 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17\text{ lần}$.

6. Bà Trần Thị Ngọc D vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 02 lần, lần 1 thu phí 200.000 đồng, đáo hạn 1 lần không thu phí, đã đóng được số tiền của 22 ngày nợ 08 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.790.868 đồng*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17\text{ lần}$.

7. Bà H'O vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền phí là 200.000 đồng, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần, đã đóng được số tiền 16 ngày nợ 14 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 689.498 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17\text{ lần}$.

8. Ông Nguyễn Văn D vay:

- Gói vay 3.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 150.000 đồng, vay 01 lần, thu phí 150.000 đồng, đã đóng được số tiền của 14 ngày nợ 09 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 546.986 đồng*

* Lãi suất năm là: 365%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25\text{ lần}$.

- Gói vay 2.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 100.000 đồng, vay 01 lần, thu phí 100.000 đồng, đã đóng được số tiền của 10 ngày nợ 15 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 289.041 đồng*

Lãi suất:

Số tiền phải đóng sau 25 ngày là: $25\text{ngày} \times 100.000\text{đ} = 2.500.000\text{ đồng}$.

Số tiền lãi nhận được là: $2.500.000\text{đ} - 2.000.000\text{đ} = 500.000\text{ đồng}$

* Lãi suất năm là:
$$\frac{(500.000\text{đ} : 2.000.000\text{đ}) \times 365\text{ngày} \times 100\%}{25\text{ ngày}} = 365\%.$$

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25\text{ lần}$.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: $546.986\text{đ} + 289.041\text{đ} = 836.027\text{ đồng}$.

9. Ông Phan Quốc T vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 02 lần, lần 01, thu phí 200.000 đồng, đáo hạn 01 lần không thu phí, đã đóng được số tiền của 18 ngày nợ 12 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.668.493 đồng*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17\text{ lần}$.

10. Ông Trần Văn T vay gói vay 15.000.000 đồng, trả trong vòng 40 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 450.000 đồng, vay 01 lần, thu phí 500.000 đồng, đã đóng được số tiền của 23 ngày nợ 17 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.985.959 đồng*.

Lãi suất:

Số tiền phải đóng sau 40 ngày là: $40\text{ngày} \times 450.000\text{đ} = 18.000.000\text{đồng}$.

Số tiền lãi nhận được là: $18.000.000\text{đ} - 15.000.000\text{đ} = 3.000.000\text{ đồng}$

* Lãi suất năm là:
$$\frac{(3.000.000\text{đ} : 15.000.000\text{đ}) \times 365\text{ngày} \times 100\%}{40\text{ngày}} = 182,5\%.$$

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $182,5\% : 20\% = 9,13\text{ lần}$.

11. Bà Trần Thị B vay:

- Gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 02 lần, lần 01 đóng tiền phí 200.000 đồng, đáo hạn 01 lần không thu phí, đã đóng được số tiền của 08 ngày nợ 22 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 1.362.557 đồng*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17$ lần.

- Gói vay 2.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 100.000 đồng, vay 01 lần, thu phí 100.000 đồng, đã đóng được số tiền của 11 ngày nợ 14 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 307.945 đồng.*

* Lãi suất năm là: 365%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25$ lần.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: $1.362.557đ + 307.945đ = 1.670.502$ đồng.

12. Bà Đinh Thị C vay gói vay 2.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 100.000 đồng, vay 02 lần, lần 01 đóng phí 100.000 đồng, đã đóng được số tiền của 24 ngày nợ 01 ngày, lần 02 đóng phí 100.000 đồng, đã đóng được số tiền của 08 ngày nợ 17 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 804.932 đồng.*

* Lãi suất năm là: 365%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25$ lần.

13. Bà Lương Thị T vay:

- Gói vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 400.000 đồng, vay 02 lần, lần 01 thu phí 400.000 đồng đã trả hết, lần 02 tiếp tục đóng phí 400.000 đồng, đã đóng được số tiền của 08 ngày nợ 22 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 3.125.114 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17$ lần.

- Gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền phí là 200.000 đồng, vay 01 lần, thu phí 200.000 đồng, đã đóng được số tiền của 05 ngày nợ 25 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 352.968 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17$ lần.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: $3.125.114đ + 352.968đ = 3.478.082$ đồng.

14. Bà Lê Thị L vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 03 lần, lần 01 thu tiền phí 200.000 đồng, đáo hạn 02 lần, mỗi lần đáo hạn thu phí 200.000 đồng, lần 02 đã đóng được số tiền 06 ngày nợ 24 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 2.557.990 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

15. Bà Đoàn Thị T vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 03 lần, lần 01 thu phí 200.000 đồng, đã trả đủ; lần 02 thu phí 200.000 đồng, đáo hạn 01 lần không thu phí đã đóng 23 ngày nợ 07 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 2.939.269 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

16. Bà Phạm Thị Mỹ D vay gói vay 7.500.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 300.000 đồng, vay 01 lần, đóng tiền phí 300.000 đồng, đã đóng được số tiền của 06 ngày nợ 24 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 575.342 đồng.*

Lãi suất:

Số tiền phải đóng sau 30 ngày là: 30 ngày x 300.000đ = 9.000.000đồng.

Số tiền lãi nhận được là: 9.000.000đ – 7.500.000đ = 1.500.000 đồng

* Lãi suất năm là: $\frac{(1.500.000đ : 9.000.000đ) \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{30\text{ngày}} = 243,33\%.$

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

17. Bà Trần Thị Thanh V vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 03 lần, lần 01, thu phí 200.000 đồng, đã đóng được số tiền của 14 ngày nợ 16 ngày; Lần 02 thu phí 200.000 đồng, đáo hạn 01 lần không thu phí đã đóng được số tiền của 07 ngày nợ 23 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.960.274 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

18. Bà Nguyễn Thị Thanh T vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 24 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 250.000 đồng, vay 01 lần, thu phí 200.000 đồng, đã đóng được số tiền của 16 ngày nợ 09 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 689.498 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

19. Bà Nguyễn Thị V vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần, thu phí 200.000 đồng, đã đóng được số tiền của 26 ngày nợ 04 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 995.434 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

20. Bà Phạm Thị H vay:

- Gói vay 7.500.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, không thu phí, tiền đóng mỗi ngày là 300.000 đồng, vay 04 lần; lần 01 và đáo hạn 03 lần không thu phí đã trả hết 04 lần. *Số tiền thu lợi bất chính là: 5.506.849 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

- Gói vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, thu phí 400.000 đồng, tiền đóng mỗi ngày là 400.000 đồng, vay 02 lần, lần 01 trả hết, đáo hạn 01 lần không thu phí đóng số tiền 18 ngày nợ 12 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 3.336.986 đồng*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

- Gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền phí 200.000 đồng, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần đã trả hết. *Số tiền thu lợi bất chính là: 1.117.808 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 5.506.849đồng + 3.336.986đồng + 1.117.808đồng = 9.961.643 đồng.

21. Bà Nguyễn Thị L vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 03 lần, lần 01, thu phí 200.000 đồng, đóng được số tiền của 21 ngày nợ 09 ngày; Lần 02 thu phí 200.000 đồng, đáo hạn 01 lần không thu phí đã đóng được số tiền của 09 ngày nợ 21 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 2.235.616 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

22. Bà Nguyễn Thị Hải N vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần, thu phí 200.000 đồng, đã đóng được số tiền của 22 ngày nợ 08 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 873.059 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

23. Bà Lê Thị L vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 02 lần, lần 01 thu phí 200.000 đồng, đóng được số tiền của 12 ngày nợ 18 ngày, lần 02 thu phí 200.000 đồng đóng được số tiền của 06 ngày nợ 24 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 950.685 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

24. Bà Nguyễn Thị H vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần thu phí 200.000 đồng, đã đóng được số tiền của 20 ngày nợ 10 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 811.872 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

25. Bà Nguyễn Thị Thu T vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần thu phí 200.000 đồng, đã đóng được số tiền của 14 ngày nợ 16 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 628.311 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

26. Bà Đinh Thị Linh K vay gói vay 10.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 400.000 đồng, vay 01 lần thu phí 400.000 đồng, đã đóng được số tiền của 07 ngày nợ 23 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 828.311 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: 243,33% : 20% = 12,17 lần.

27. Bà Trần Thị Ng vay:

- Vay gói vay 2.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 100.000 đồng, vay 01 lần, lần 01 thu phí 100.000 đồng đáo hạn 01 lần lên gói vay 3.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 150.000 đồng,

vay 01 lần thu phí 150.000 đồng đóng được số tiền của 16 ngày nợ 09 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 1.176.301 đồng.*

* Lãi suất năm là: 365%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25$ lần.

- Vay gói vay 3.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 150.000 đồng, vay 01 lần thu phí 150.000 đồng đóng được số tiền của 10 ngày nợ 15 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 433.562 đồng.*

* Lãi suất năm là: 365%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25$ lần.

- Vay gói vay 2.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 100.000 đồng, vay 01 lần thu phí 100.000 đồng đã đóng được số tiền của 04 ngày nợ 21 ngày. *Số tiền thu lợi bất chính là: 175.616 đồng.*

* Lãi suất năm là: 365%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25$ lần.

Tổng số tiền thu lợi bất chính là: $1.176.301đ + 433.562đ + 175.616đ = 1.785.479$ đồng.

28. Bà Nguyễn Thị V vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 03 lần, lần 01 thu phí 200.000 đồng, đóng 12 ngày nợ 18 ngày, lần 02 thu phí 200.000 đồng, đáo hạn 1 lần không thu phí đóng được số tiền của 02 ngày nợ 28 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.746.119 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17$ lần.

29. Bà Trần Thị Thuỳ D vay gói vay 5.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 200.000 đồng, vay 01 lần thu phí 200.000 đồng đã đóng được số tiền của 26 ngày nợ 04 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 995.434 đồng.*

* Lãi suất năm là: 243,33%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17$ lần.

30. Bà Trần Thị T vay gói vay 2.000.000 đồng, trả trong vòng 25 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 100.000 đồng, vay 03 lần, lần 01 thu phí 100.000 đồng; đáo hạn 02 lần đều không thu phí đóng lần cuối đã đóng được số tiền của 06 ngày nợ 19 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 1.139.726 đồng.*

* Lãi suất năm là: 365%

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $365\% : 20\% = 18,25$ lần.

31. Chị Nguyễn Thị Thùy T vay gói vay 30.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 1.200.000 đồng, vay 01 lần thu phí 1.200.000 đồng, đã đóng được số tiền của 23 ngày nợ 07 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 5.421.918 đồng.*

Lãi suất:

Số tiền phải đóng sau 30 ngày là: $30\text{ngày} \times 1.200.000\text{đ} = 36.000.000\text{đồng}$.

Số tiền lãi nhận được là: $36.000.000\text{đ} - 30.000.000\text{đ} = 6.000.000$ đồng

* Lãi suất năm là: $\frac{(6.000.000\text{đ} : 30.000.000\text{đ}) \times 365\text{ngày} \times 100\%}{30 \text{ ngày}} = 243,33\%.$

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17$ lần.

32/ Ông Phan Thanh M vay gói vay 15.000.000 đồng, trả trong vòng 30 ngày, tiền đóng mỗi ngày là 600.000 đồng, vay 03 lần, lần 01 thu phí 600.000 đồng, đáo hạn 02 lần không thu phí, lần 03 đã đóng được số tiền của 13 ngày nợ 17 ngày. *Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 7.300.001 đồng.*

Lãi suất:

Số tiền phải đóng sau 30 ngày là: $30\text{ngày} \times 600.000\text{đ} = 18.000.000$ đồng.

Số tiền lãi nhận được là: $18.000.000\text{đ} - 15.000.000\text{đ} = 3.000.000$ đồng

* Lãi suất năm là: $\frac{(3.000.000\text{đ} : 15.000.000\text{đ}) \times 365\text{ngày} \times 100\%}{30 \text{ ngày}} = 243,33\%.$

* Lãi suất vượt quá so với lãi suất của Nhà nước cho phép là: $243,33\% : 20\% = 12,17$ lần.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn Ngọc H và đối tượng T cho 32 cá nhân vay có tổng số tiền là 437.500.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu lợi là 76.735.005 đồng, trong đó tiền lãi theo quy định của pháp luật là 5.178.638 đồng. Như vậy Nguyễn Ngọc H đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay trên với số tiền 71.556.367 đồng, với mức lãi suất từ 182,5% đến 365%/năm, gấp 9,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự. Số tiền gốc H đã thu được của 32 người vay là 315.065.000 đồng, tổng số tiền gốc 32 người vay còn nợ của H là 122.435.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 316/CT- VKS TP. BMT, ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự;

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc H khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H mức án từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ;

Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H số tiền 30.000.000đ – 40.000.000đ sung ngân sách Nhà nước;

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H trả lại số tiền 71.156.368 đồng đã thu lợi bất chính của những người vay tiền là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cụ thể như sau: Trả cho bà Đỗ Thị Thanh M số tiền 1.484.930 đồng; Trả cho ông Lê Văn L số tiền 567.122 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 10.549.772 đồng; Trả cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền 546.986 đồng; Trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền 1.790.868 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.087.215 đồng; Trả cho bà H' O số tiền 689.498 đồng; Trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 836.027 đồng; Trả cho Phan Quốc T số tiền 1.668.493 đồng; Trả cho ông Trần Văn T số tiền 1.985.959 đồng; Trả cho bà Trần Thị B số tiền 1.670.502 đồng; Trả cho bà Đinh Thị C số tiền 804.932 đồng; Trả cho bà Lương Thị T số tiền 3.125.114 đồng; Trả cho bà Lê Thị L số tiền 2.557.990 đồng; Trả cho bà Đoàn Thị T số tiền 2.939.269 đồng; Trả cho bà Phạm Thị Mỹ D số tiền 575.342 đồng; Trả cho bà Trần Thị Thanh V số tiền 1.960.274 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 689.498 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 995.434 đồng; Trả cho bà Phạm Thị H số tiền 9.961.643 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.235.616 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Hải N số tiền 873.059 đồng; Trả cho bà Lê Thị L số tiền 950.685 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 811.872 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 628.311 đồng; Trả cho bà Đinh Thị Linh K số tiền 828.311 đồng; Trả cho bà Trần Thị Ng số tiền 1.785.479 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 1.746.119 đồng; Trả cho bà Trần Thị Thủy D số tiền 995.434 đồng; Trả cho bà Trần Thị T số tiền 1.139.726 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 5.421.918 đồng; Trả cho ông Phan Thanh M số tiền 7.300.001 đồng;

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền 122.435.000 đồng nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc H để sung công quỹ Nhà nước, cụ thể như sau: Bà Đỗ Thị Thanh M số tiền 3.000.000

đồng; Ông Lê Văn Dục số tiền 3.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị T số tiền 2.333.333 đồng; Bà Lê Thị Ngọc H số tiền 1.320.000 đồng; Bà Trần Thị Ngọc D số tiền 1.333.333 đồng; Bà Nguyễn Thị L số tiền 166.667 đồng; Bà H' O số tiền 2.333.333 đồng; Ông Nguyễn Văn D số tiền 2.520.000 đồng; Ông Phan Quốc T số tiền 2.000.000 đồng; Ông Trần Văn T số tiền 6.375.000 đồng; Bà Trần Thị B số tiền 4.786.667 đồng; Bà Đinh Thị C số tiền 1.440.000 đồng; Bà Lương Thị T số tiền 11.500.000 đồng; Bà Lê Thị L số tiền 4.333.333 đồng; Bà Đoàn Thị T số tiền 1.166.667 đồng; Bà Phạm Thị Mỹ D số tiền 6.000.000 đồng; Bà Trần Thị Thanh V số tiền 6.500.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 2.333.333 đồng; Bà Nguyễn Thị V số tiền 666.667 đồng; Bà Phạm Thị H số tiền 4.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Hải N số tiền 1.333.333 đồng; Bà Lê Thị L số tiền 7.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.666.667 đồng; Bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 2.666.667 đồng; Bà Đinh Thị Linh K số tiền 7.666.667 đồng; Bà Trần Thị Ng số tiền 4.560.000 đồng; Bà Nguyễn Thị V số tiền 7.666.667 đồng; Bà Trần Thị Thuỳ D số tiền 666.667 đồng; Bà Trần Thị T số tiền 1.600.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Thuỳ T số tiền 7.000.000 đồng; Ông Phan Thanh M số tiền 8.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc H số tiền 315.065.000 đồng tiền gốc người vay đã trả và số tiền 5.178.638 đồng tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) đề sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen đã qua sử dụng tạm giữ của Nguyễn Ngọc H. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại di động trên là tài sản của bị cáo H sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp.

- Đối với 1000 (Một ngàn) tờ rơi cho vay tiền góp là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp;

Đối với 01 (Một) quyển sổ bìa màu xanh mà Nguyễn Ngọc H dùng để đánh dấu người vay trả tiền hằng ngày cần lưu hồ sơ vụ án.

Bị cáo Nguyễn Ngọc H không bào chữa, không tranh luận gì đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và các đương sự khác không có ý kiến và khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng;

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2020 đến ngày 08/4/2021, trên địa bàn thành phố B và huyện C, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Ngọc H đã có hành vi cho cho 32 cá nhân vay tiền với tổng số tiền gốc cho vay là 437.500.000 đồng, với mức lãi suất từ 182,5% đến 365%/năm, gấp 9,13 đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; và đã thu lợi bất chính số tiền là 71.556.367 đồng.

Như vậy hành vi bị cáo Nguyễn Ngọc H thực hiện đã phạm vào tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự;

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;

...”.

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã không những đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng mà hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng; gây bất bình trong quần chúng nhân dân; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; do đó hành vi của bị cáo phải xử lý nghiêm thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo;

Bị cáo Nguyễn Ngọc H không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo;

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Nguyễn Ngọc H có hành vi cho vay lãi nặng và thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt bị cáo một khoản tiền nhất định sung Ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 quyển sổ màu xanh của Nguyễn Ngọc H dùng để đánh dấu việc người vay trả tiền hằng ngày cần lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chiếc xe Mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số XXX tạm giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc H. Qua điều tra xác định chiếc xe Mô tô

trên đứng tên chủ sở hữu là anh Huỳnh Vương P (sinh năm 1969, trú tại: Thôn a, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk). Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc H khai chiếc xe Mô tô trên H mượn của một người quen tên C (Không rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng làm phương tiện phạm tội. Hiện nay, vẫn chưa làm việc được với anh P và anh C để làm rõ nội dung trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột tách chiếc xe Mô tô trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau;

Đối với chị Đỗ Thị H đã cho Nguyễn Ngọc H thuê ngôi nhà Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm nơi cư trú. Chị H không biết việc H sử dụng căn nhà trên làm địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với chị H cũng như không kê biên đối với căn nhà trên;

Bị cáo Nguyễn Ngọc H khai đối tượng nam thanh niên tên Ngô Đức T là người đã thuê Nguyễn Ngọc H thực hiện các hoạt động cho vay và hiện nay T đang giữ một số giấy tờ của người vay tiền gồm: Chứng minh nhân dân, bằng lái xe, sổ hộ khẩu... Quá trình điều tra cho đến nay, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa xác định được nhân thân lai lịch, cũng như chưa làm việc được với đối tượng T, nên đã tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 71.156.368 đồng tiền lãi mà những người vay đã trả cho Nguyễn Ngọc H, đây là tiền bị cáo đã thu lợi bất chính của những người vay tiền, do đó cần buộc bị cáo phải trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cụ thể: Trả cho bà Đỗ Thị Thanh M số tiền 1.484.930 đồng; Trả cho ông Lê Văn L số tiền 567.122 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 10.549.772 đồng; Trả cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền 546.986 đồng; Trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền 1.790.868 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.087.215 đồng; Trả cho bà H'O số tiền 689.498 đồng; Trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 836.027 đồng; Trả cho Phan Quốc T số tiền 1.668.493 đồng; Trả cho ông Trần Văn T số tiền 1.985.959 đồng; Trả cho bà Trần Thị B số tiền 1.670.502 đồng; Trả cho bà Đinh Thị C số tiền 804.932 đồng; Trả cho bà Lương Thị T số tiền 3.125.114 đồng; Trả cho bà Lê Thị L số tiền 2.557.990 đồng; Trả cho bà Đoàn Thị T số tiền 2.939.269 đồng; Trả cho bà Phạm Thị Mỹ D số tiền 575.342 đồng; Trả cho bà Trần Thị Thanh V số tiền 1.960.274 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 689.498 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 995.434 đồng; Trả cho bà Phạm Thị H số tiền 9.961.643 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.235.616 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Hải N số tiền 873.059 đồng; Trả cho bà Lê Thị L số tiền 950.685 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 811.872 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 628.311 đồng; Trả cho bà Đinh Thị Linh K số tiền 828.311 đồng; Trả cho bà Trần Thị Ng số tiền 1.785.479 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 1.746.119 đồng; Trả cho bà Trần Thị Thuỳ D số tiền 995.434 đồng; Trả cho bà Trần Thị T số tiền 1.139.726 đồng; Trả cho bà Nguyễn Thị Thuỳ T số tiền 5.421.918 đồng; Trả cho ông Phan Thanh M số tiền 7.300.001 đồng.

- Đối với số tiền 122.435.000 đồng nợ gốc những người vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc H, cần buộc những người vay nộp lại số tiền này để sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bà Đỗ Thị Thanh M số tiền 3.000.000 đồng; Ông Lê Văn L số tiền 3.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị T số tiền 2.333.333 đồng; Bà Lê Thị Ngọc H số tiền 1.320.000 đồng; Bà Trần Thị Ngọc D số tiền 1.333.333 đồng; Bà Nguyễn Thị L số tiền 166.667 đồng; Bà H' O số tiền 2.333.333 đồng; Ông Nguyễn Văn D số tiền 2.520.000 đồng; Ông Phan Quốc T số tiền 2.000.000 đồng; Ông Trần Văn T số tiền 6.375.000 đồng; Bà Trần Thị B số tiền 4.786.667 đồng; Bà Đinh Thị C số tiền 1.440.000 đồng; Bà Lương Thị T số tiền 11.500.000 đồng; Bà Lê Thị L số tiền 4.333.333 đồng; Bà Đoàn Thị T số tiền 1.166.667 đồng; Bà Phạm Thị Mỹ D số tiền 6.000.000 đồng; Bà Trần Thị Thanh V số tiền 6.500.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 2.333.333 đồng; Bà Nguyễn Thị V số tiền 666.667 đồng; Bà Phạm Thị H số tiền 4.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị L số tiền 5.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Hải N số tiền 1.333.333 đồng; Bà Lê Thị L số tiền 7.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H số tiền 1.666.667 đồng; Bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 2.666.667 đồng; Bà Đinh Thị Linh K số tiền 7.666.667 đồng; Bà Trần Thị Ng số tiền 4.560.000 đồng; Bà Nguyễn Thị V số tiền 7.666.667 đồng; Bà Trần Thị Thủy D số tiền 666.667 đồng; Bà Trần Thị T số tiền 1.600.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Thủy T số tiền 7.000.000 đồng; Ông Phan Thanh M số tiền 8.500.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 315.065.000 đồng tiền gốc và số tiền 5.178.638 đồng tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) những người vay đã trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc H, tổng cộng là 320.243.638 đồng; đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu của bị cáo để sung Ngân sách Nhà nước;

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, đã qua sử dụng tạm giữ của Nguyễn Ngọc H, đây là tài sản của bị cáo Hòa sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước;

- Đối với 1000 (Một ngàn) tờ rơi cho vay tiền góp là công cụ bị cáo Nguyễn Ngọc H sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/9/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 24 (Hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 4 năm 2021 đến ngày 20 tháng 4 năm 2021 là 33 (Ba mươi ba) ngày cải tạo không giam giữ;

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhận được Bản án, Quyết định thi hành án;

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc H cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc H thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Ngọc H;

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) sung Ngân sách Nhà nước;

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Ngọc H số tiền 320.243.638 đồng (Ba trăm hai mươi triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen của bị cáo Nguyễn Ngọc H.

- Tịch thu, tiêu hủy 1000 (Một ngàn) tờ rơi cho vay tiền góp;

(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17

/9/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H trả lại số tiền 71.156.368 (Bảy mươi một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) đã thu lợi bất chính cho những có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể:

1. Trả cho bà Đỗ Thị Thanh M số tiền 1.484.930 đồng (Một triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi đồng);

2. Trả cho ông Lê Văn L số tiền 567.122 đồng (Năm trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi hai đồng);
3. Trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 10.549.772 đồng (Mười triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng);
4. Trả cho bà Lê Thị Ngọc H số tiền 546.986 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng);
5. Trả cho bà Trần Thị Ngọc D số tiền 1.790.868 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng);
6. Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 1.087.215 đồng (Một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm mười lăm đồng);
7. Trả cho bà H'O số tiền 689.498 đồng (Sáu trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng);
8. Trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền 836.027 đồng (Tám trăm ba mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng);
9. Trả cho Phan Quốc T số tiền 1.668.493 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng);
10. Trả cho ông Trần Văn T số tiền 1.985.959 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi chín đồng);
11. Trả cho bà Trần Thị B số tiền 1.670.502 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn năm trăm lẻ hai đồng);
12. Trả cho bà Đinh Thị C số tiền 804.932 đồng (Tám trăm lẻ bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng);
13. Trả cho bà Lương Thị T số tiền 3.125.114 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn một trăm mười bốn đồng);
14. Trả cho bà Lê Thị L số tiền 2.557.990 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi đồng);
15. Trả cho bà Đoàn Thị T số tiền 2.939.269 đồng (Hai triệu chín trăm ba mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng);
16. Trả cho bà Phạm Thị Mỹ D số tiền 575.342 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng);
17. Trả cho bà Trần Thị Thanh V số tiền 1.960.274 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng);
18. Trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 689.498 đồng (Sáu trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng);
19. Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 995.434 đồng (Chín trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng);
20. Trả cho bà Phạm Thị H số tiền 9.961.643 đồng (Chín triệu chín trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng);

21. Trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 2.235.616 đồng (Hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng);

22. Trả cho bà Nguyễn Thị Hải N số tiền 873.059 đồng (Tám trăm bảy mươi ba nghìn không trăm năm mươi chín đồng);

23. Trả cho bà Lê Thị L số tiền 950.685 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng);

24. Trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 811.872 đồng (Tám trăm mười một nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng);

25. Trả cho bà Nguyễn Thị Thu T số tiền 628.311 đồng (Sáu trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười một đồng);

26. Trả cho bà Đinh Thị Linh K số tiền 828.311 đồng (Tám trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười một đồng);

27. Trả cho bà Trần Thị Ng số tiền 1.785.479 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng);

28. Trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 1.746.119 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm mười chín đồng);

29. Trả cho bà Trần Thị Thuỳ D số tiền 995.434 đồng (Chín trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng);

30. Trả cho bà Trần Thị T số tiền 1.139.726 đồng (Một triệu một trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng);

31. Trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 5.421.918 đồng (Năm triệu bốn trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng);

32. Trả cho ông Phan Thanh M số tiền 7.300.001 đồng (Bảy triệu ba trăm nghìn không trăm lẻ một đồng).

- Buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền 122.435.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng) nợ gốc vay chưa trả cho bị cáo Nguyễn Ngọc H để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

1. Bà Đỗ Thị Thanh M phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

2. Ông Lê Văn L phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);

3. Bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 2.333.333 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

4. Bà Lê Thị Ngọc H phải nộp số tiền 1.320.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng);

5. Bà Trần Thị Ngọc D phải nộp số tiền 1.333.333 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);

6. Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 166.667 đồng (Một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

7. Bà H'Ô phải nộp số tiền 2.333.333 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);
8. Ông Nguyễn Văn D phải nộp số tiền 2.520.000 đồng (Hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng);
9. Ông Phan Quốc T phải nộp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);
10. Ông Trần Văn T phải nộp số tiền 6.375.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);
11. Bà Trần Thị B phải nộp số tiền 4.786.667 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
12. Bà Đinh Thị C phải nộp số tiền 1.440.000 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng);
13. Bà Lương Thị T phải nộp số tiền 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng);
14. Bà Lê Thị L phải nộp số tiền 4.333.333 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);
15. Bà Đoàn Thị T phải nộp số tiền 1.166.667 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
16. Bà Phạm Thị Mỹ D phải nộp số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng);
17. Bà Trần Thị Thanh V phải nộp số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng);
18. Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp số tiền 2.333.333 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);
19. Bà Nguyễn Thị V phải nộp số tiền 666.667 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
20. Bà Phạm Thị H phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng);
21. Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);
22. Bà Nguyễn Thị Hải N phải nộp số tiền 1.333.333 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng);
23. Bà Lê Thị L phải nộp số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng);
24. Bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 1.666.667 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
25. Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp số tiền 2.666.667 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
26. Bà Đinh Thị Linh K phải nộp số tiền 7.666.667 đồng (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
27. Bà Trần Thị Ng phải nộp số tiền 4.560.000 đồng (Bốn triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

28. Bà Nguyễn Thị V phải nộp số tiền 7.666.667 đồng (Bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

29. Bà Trần Thị Thuỳ D phải nộp số tiền 666.667 đồng (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

30. Bà Trần Thị T phải nộp số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng);

31. Bà Nguyễn Thị Thuỳ T phải nộp số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng);

32. Ông Phan Thanh M phải nộp số tiền 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.558.000đ (Ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương

